TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **28**/2017/DS-ST Ngày: 30-11-2017. V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Trang.**

2. Ông **Phạm Quang Nghĩa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ –** Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **166/2015/TLST-DS** ngày 12 tháng 10 năm 2015, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **31**/2017/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số **151**/2017/QĐ-HPTST ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ông **Phan Ngọc T**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: 7A/1 QL1A, KP 2, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Do anh Trần H, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp TT, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: 240 đường 30/4, phường TB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, làm đại diện theo ủy quyền (lập ngày 26-11-2016). *(Có mặt)*

*** Bị đơn**: Vợ chồng ông **Trương Quốc C**, sinh năm: 1963.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 2, khu 5, GR, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt tại nơi cư trú từ năm 2014, không rõ ở đâu, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã ra Quyết định số **04/2017/QDDS-ST** ngày 21-3-2017, thông báo tìm kiếm ông Trương Quốc C vắng mặt tại nơi cư trú, đến nay vẫn chưa nhận được tin tức. *(Vắng mặt)*

Bà **Lê Minh Hồng V**, sinh năm: 1971. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ 2, khu 5, TT.Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Phan Danh B**, sinh năm: 1958. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp 1, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-10-2015 và trong quá trình xét xử, đại diện nguyên đơn anh Trần H trình bày:

Ngày 14-02-2013, thông qua sự giới thiệu của ông Phan Danh B, nguyên đơn ông Phan Ngọc T cho vợ chồng ông Trương Quốc C - bà Lê Minh Hồng V vay số tiền 3.500.000.000 đồng, để làm vốn kinh doanh, lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 14-02-2014, hai bên có viết giấy tay. Vợ chồng ông C – bà V đã trả được 08 tháng tiền lãi là 700.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông C-bà V trả số nợ gốc là 3.500.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 14-02-2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30-11-2017) là 2.266.381.000 đồng, trừ đi số tiền lãi nguyên đơn đã nhận 700.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 30-11-2017, vợ chồng ông C-bà V phải trả bổ sung thêm 1.566.381.000đồng lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu ông Phan Danh B đứng ra trả thay số nợ này.

Bà Lê Minh Hồng V (Bị đơn) trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về số nợ gốc là 3.500.000.000 đồng, bà không thống nhất với số tiền lãi mà vợ chồng bà đã trả cho nguyên đơn, vì vợ chồng bà đã trả hơn 700.000.000 đồng tiền lãi, các chứng từ trả lãi ông Phan Danh B mượn không trả lại cho bà, nên bà không có để cung cấp cho Tòa án.

Bà chấp nhận trả số nợ gốc 3.500.000.000 đồng cho nguyên đơn, không chấp nhận trả lãi.

Ông Phan Quốc C (Bị đơn): Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã ra Quyết định số 04/2017/QDDS-ST ngày 21-3-2017, thông báo tìm kiếm ông Trương Quốc C vắng mặt tại nơi cư trú, nhưng đến nay ông C vẫn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời trình bày.

Ông Phan Danh B (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Do quen biết với vợ chồng ông C – bà V, nên vào năm 2013, ông đã đứng ra bảo lãnh để ông T cho vợ chồng ông C – bà V vay số tiền 3.500.000.000 đồng, như trong Giấy vay tiền ngày 14-02-2013 là đúng, ông không giữ chứng từ trả lãi nào của bà V. Số tiền lãi vợ chồng ông C – bà V đã trả cho ông T là 700.000.000 đồng, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông C - bà V trả cho ông Phan Ngọc T 3.500.000.000đồng vốn và 1.052.187.000đồng lãi suất phát sinh thêm, tổng cộng là 4.552.187.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Ông Trương Quốc C được Tòa án Thông báo tìm kiếm và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

Ông Phan Danh B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Ông Phan Ngọc T và bà Lê Minh Hồng V thống nhất, thông qua sự giới thiệu của ông Phan Danh B, vợ chồng bà V – ông C có vay ông T số tiền 3.500.000.000 đồng, hạn trả nợ đến ngày 14-02-2014, theo Giấy vay tiền ngày 14-02-2013, nhưng đến nay vợ chồng bà V – ông C chưa trả. Như vậy, áp dụng Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đây là sự thật.

Ông Phan Ngọc T yêu cầu vợ chồng ông Trương Quốc C – bà Lê Minh Hồng V trả số nợ gốc là 3.500.000.000 đồng và lãi suất. Bà Lê Minh Hồng V chấp nhận trả toàn bộ số nợ gốc cho ông T, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về lãi suất: Theo Giấy vay tiền ngày 14-02-2013, là 2,5%/tháng, ông T trình bày vợ chồng ông C - và V đã trả cho ông được 700.000.000 đồng tiền lãi, bà V cho rằng vợ chồng bà đã trả tiền lãi thông qua ông B số tiền trên 700.000.000 đồng, bà có cung cấp cho Tòa án các chứng từ trả lãi các ngày: 15-4-2013 là 140.000.000đồng (BL 23); 16-5-2013 là 70.000.000đồng (BL 24); 17-6-2013 là 70.000.000đồng (BL 25); 15-7-2013 là 70.000.000đồng (BL 26); 17-9-2013 là 40.000.000đồng (BL 27); 19-9-2013 là 30.000.000đồng (BL 28); 07-10-2013 là 70.000.000đồng (BL 29); 08-11-2013 là 70.000.000đồng (BL 30), tổng cộng là 560.000.000 đồng và giấy ghi số tiền trả lãi năm 2011 và năm 2012, có chữ ký của ông B. Tuy nhiên, Giấy vay tiền của ông T xảy ra tranh chấp là ký ngày 14-02-

2013. Như vậy, số tiền trả lãi ghi năm 2011 và 2012 thì không thể cho rằng trả lãi cho năm 2013 được vì, không thể trả lãi trước khi vay. Nên các chứng từ chứng minh được số tiền vợ chồng ông C - bà V trả lãi cho ông T đối với số tiền vay theo Giấy vay tiền viết ngày 14-02-2013, khi những giấy đó trả tiền cho ông T hoặc nhờ ông B nhận thay diễn ra sau ngày các bên viết giấy vay (nghĩa là phải sau ngày 14-02-2013). Mặt khác, các bên viết giấy vay tiền ngày 14-02-2013, chứng từ trả lãi ngày 15-4-2013 là 140.000.000đồng là tương ứng với 02 tháng lãi suất, các chứng từ còn lại thì tương ứng mỗi tháng trả lãi 70.000.000đồng. Bà V cho rằng: Bà đưa chứng từ trả lãi cho ông B ông ấy không trả lại cho bà, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Ngược lại, chứng từ bà V cung cấp là trả lãi đến ngày 08-11-2013, theo lời bà trình bày là ông C (chồng bà) rời khỏi địa phương từ năm 2014 và lúc đó bà cũng không trả lãi nữa. Qua đó, chứng tỏ lời trình bày của bà V về việc ông B giữ chứng từ trả lãi của vợ chồng bà là không có cơ sở. Tổng các khoản tiền ghi trên các chứng từ trả lãi bà V cung cấp là 560.000.000đồng. Nhưng Bên ông T trình bày là 700.000.000đồng, chứng tỏ Bên ông T không khai giảm bớt đi số tiền lãi ông đã nhận. Sự thừa nhận của ông T đối với số tiền lãi đã nhận cao hơn số tiền ghi trên chứng từ của bà V cung cấp, nên ghi nhận số tiền lãi Bên vợ chồng bà V-ông C đã trả cho ông T là 700.000.000đồng.

Ông Phan Ngọc T yêu cầu bà V trả lãi suất theo mức 1,125%/tháng tương ứng là 13,5%/năm, kể từ ngày 14-02-2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30-11-2017) là 2.266.381.000đồng, trừ đi số tiền lãi đã nhận là 700.000.000 đồng, vậy phải bổ sung thêm 1.566.381.000đồng. Từ ngày 14-02-2013 đến ngày ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30-11-2017) là 04 năm 09 tháng 17 ngày. Mức lãi suất cơ bản hiện nay là 9%/năm, nên số tiền lãi cho phép các bên thỏa thuận là 150% x 9%/năm, cụ thể tiền lãi là: (3.500.000.000 đồng x 9%/năm x 150% x 04 năm 09 tháng 17 ngày) – 700.000.000 đồng = 1.566.381.000 đồng, Yêu cầu của ông T phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 nên chấp nhận toàn bộ.

Như vậy, vợ chồng ông Trương Quốc C - bà Lê Minh Hồng V phải trả cho ông Phan Ngọc T số tiền 5.066.381.000 đồng, trong đó có 3.500.000.000 đồng tiền gốc và 1.566.381.000đồng tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30-11-2017).

[3] *Về án phí:*

Yêu cầu của ông Phan Ngọc T được chấp nhận nên vợ chồng vợ chồng ông Trương Quốc C - bà Lê Minh Hồng V phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 5.066.381.000 đồng là: 112.000.000 đồng + 0,1% x (5.066.381.000 đồng – 4.000.000.000 đồng) = 113.066.000 đồng. Xét thấy, hoàn cảnh gia đình bà V đang

gặp khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, nên giảm ½ tiền án phí cho bà V, như vậy vợ chồng ông C - bà V phải nộp 56.533.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27-02-2009, của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Trương Quốc C - bà Lê Minh Hồng V trả cho ông Phan Ngọc T **5.066.381.000** (*Năm tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn*) đồng, trong đó có **3.500.000.000** (*Ba tỷ năm trăm triệu*) đồng tiền gốc và **1.566.381.000** (*Một tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn*) đồng tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30-11-2017).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phan Ngọc T (sau khi án có hiệu lực pháp luật) hàng tháng vợ chồng ông Trương Quốc C - bà Lê Minh Hồng V còn phải chịu khoản tiền lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Trương Quốc C - bà Lê Minh Hồng V nộp nộp **56.533.000** *(Năm mươi sáu triệu năm trăm năm ba mươi ba nghìn)* đồng tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phan Ngọc T **28.000.000** *(Hai mươi tám triệu)* đồng tiền tạm ứng án phí, ông T nộp theo Biên lai thu tiền số **000790** ngày **09-10-2015** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bà Lê Minh Hồng V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Ông Trương Quốc C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ nhận bản án hoặc niêm yết toàn sao bản án .

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Anh Dũng

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; hồ sơ vụ án.